

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 14 /2021/HNGĐ-PT

Ngày: 29-9-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu;
Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Thành Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2021/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2021/QĐ-PT ngày 08-6-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-PT ngày 24-6-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ-PT ngày 20-7-2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 23-9-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1993; Cư trú: tổ 11, ấp X, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1988; Cư trú: tổ 6, ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị X là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11-01-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn T kết hôn ngày 20/4/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ; hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp T, xã P, huyện Đ; chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm đầu, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ

chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do anh T gia trưởng, cấm không cho chị X giao tiếp với bạn bè, nghi ngờ ghen tuông vô cớ; không tin tưởng chị trong chỉ tiêu sinh hoạt gia đình buộc chị phải liệt kê các khoản mua sắm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021, chị X dẫn con về sống với cha mẹ và anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 16-7-2013, hiện cháu đang sống cùng chị X. Khi ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn theo như lời trình bày của chị X là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống tại ấp T, xã P, huyện Đ; cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do chị X thường xuyên nhắn tin điện thoại người lạ nên anh T có ghen tuông, vợ chồng cự cãi bất hòa, chị X dẫn con về sống tại nhà cha mẹ vợ. Riêng lời khai chị X cho rằng anh gia trưởng, nhỏ nhen yêu cầu chị liệt kê tiền đi chợ mua sắm là không có. Sau khi sống ly thân, anh T vẫn có thiện chí khuyên chị X đưa con về nhà đoàn tụ nhưng chị X không đồng ý. Anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn không lớn, anh sẽ tự sửa chữa, khắc phục nhược điểm để vợ chồng đoàn tụ lo cho con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Về con chung: Anh T và chị X 01 con chung, hiện đang sống cùng chị X. Nếu phải ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Anh T hiện làm cơ khí ngoài giờ khai thác dầu, cứ tháng làm tháng nghỉ, thu nhập là 27.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X về việc xin ly hôn với anh Nguyễn T.

Do yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X đối với anh Nguyễn T không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không quyết định các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15-4-2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị X được ly hôn với anh Nguyễn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được ly hôn. Về con chung vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn T không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh khai rằng chị X xin ly hôn do có ngoại tình với người đàn ông khác. Nếu Tòa án giải quyết cho chị X ly hôn với anh thì đề nghị giao anh trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của chị X nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định, nên kháng cáo của chị X là hợp pháp. Tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T chị X đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài đời sống hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Nguyễn T; giao con chung cháu Nguyễn Thị K cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/tháng; chị X nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, anh T chịu 300.000 đ án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị X nộp trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị X.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ vào ngày 20-4-2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp.

Nhận thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng anh T chị X phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về kinh tế và tình cảm dẫn đến việc anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi và có những lời lẽ xúc phạm nhau. Do cuộc sống không có hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn xung đột nên từ tháng 01 năm 2021 đến nay, anh T và chị X sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm của cả vợ

và chồng, tình cảm và mong muốn đoàn tụ của anh T là từ một phía. Nếu vợ chồng quay lại đoàn tụ thì cuộc sống chung của anh chị cũng không hạnh phúc. Anh T mong muốn đoàn tụ nhưng không thể hiện những việc làm cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa phúc thẩm dù không đưa ra chứng cứ nhưng anh T cho rằng chị X ngoại tình với người đàn ông khác. Từ đó, cho thấy anh chị quay lại đoàn tụ thì cũng không thể hạnh phúc, không giải quyết được mâu thuẫn. Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù Hội đồng xét xử động viên hòa giải nhưng chị X vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh T, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa chị X và anh T chưa đến mức trầm trọng và quyết định không cho chị X ly hôn anh T là không phù hợp với thực tế hôn nhân của anh chị.

[2.2]. Về con chung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị X xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 16-7-2013. Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng. Anh T, chị X đều có công việc để tạo ra thu nhập, cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là yêu cầu chính đáng, tuy nhiên việc giao cháu M cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt từ vật chất đến tinh thần cho con phát triển tốt nhất.

Anh T và chị X đều có nghề nghiệp thu nhập ổn định (anh T xác nhận thu nhập hiện nay khoảng 27.000.000 đồng/tháng, chị X xác nhận thu nhập hiện nay là 6.000.000 đồng/tháng) nhưng không tự thỏa thuận được về việc nuôi con. Do đặc thù công tác làm cơ khí ngoài giàn khai thác dầu nên anh T một tháng làm việc ngoài giàn, tháng nghỉ ở trong bờ, không đảm bảo về mặt thời gian có thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay, cháu M đang ở cùng với chị X và tại biên bản lấy lời khai ngày 21-01-2021 cháu M có nguyện vọng sống với chị X. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất, tinh thần và sự ổn định môi trường sống của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị X, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trùng hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị X được chấp nhận nên chị X không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 . Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị X, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2 . Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với anh Nguyễn T.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với Nguyễn T.

[2.2]. Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị K, sinh ngày 16-7-2013 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Anh Nguyễn T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004636 ngày 11-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị X đã nộp đủ án phí.

- Anh Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị X số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2019/0004764 ngày 19-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đ,
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa HNGĐ, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lý Thị Lệ Thủy